**BÁO CÁO TÓM TẮT**

**Các nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Kỳ họp chuyên đề,**

**Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII**

Căn cứ Chương trình kỳ họp chuyên đề tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tóm tắt các nội dung trình tại Kỳ họp, cụ thể như sau:

**1. Nghị quyết về việc phân bổ vốn từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2023 (đợt 2), gồm:**

- Dự án đầu tư mua sắm máy CT-Scanner 128 lát cắt cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum giai đoạn 2024-2025: 18 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ số hóa tài liệu và Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan Đảng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025: 9 tỷ đồng.

- Dự án xây dựng Phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum: 1 tỷ đồng.

**2. Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024**

- Điều chỉnh giảm22,958 tỷ đồngtừ các dự án không có khả năng giải ngân hết từ nguồn vốn ngân sách địa phương *(nguồn xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước)*, bao gồm: *(1)* Dự án Đối ứng dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum: 6,044 tỷ đồng; *(2)* Dự án Xây mới 04 hồ chứa nước phòng cháy chữa cháy Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh: 600 triệu đồng; *(3)* Dự án Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất chương trình, lưu trữ và truyền dẫn phát sóng phát thanh: 856 triệu đồng; *(4)* Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Kon Tum: 10 tỷ đồng; *(5)* Kinh phí trả nợ quyết toán dự án hoàn thành: 722 triệu đồng; *(6)* Dự án Đường hầm Sở chỉ huy cơ bản huyện Ia H'Drai: 4,736 tỷ đồng.

- Bổ sung 22,958 tỷ đồngnêu trên cho các dự án đến nay đã có khối lượng thực hiện và cần đẩy nhanh tiến độ nhưng thiếu vốn, bao gồm: *(1)* Dự án Cầu 16/5 thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei: 12,958 tỷ đồng; *(2)* Dự án Đường trung tâm phía Nam thị trấn Plei Kần: 10 tỷ đồng.

**3. Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, năm 2023, năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

***a)*** Điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022, 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

Điều chuyển 4,217 tỷ đồng đã phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Tiểu dự án 3, Dự án 4 sang cho huyện Ia H’Drai để thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 1 của Chương trình.

***b)*** Điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương năm 2022, 2023, 2024 thực hiện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

*\* Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển:*

- Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022: điều chỉnh giảm 6,394 tỷ đồng của Tiểu dự án 2, Dự án 3 của huyện Tu Mơ Rông để bổ sung cho Dự án 2 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 trên địa bàn huyện.

- Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023: điều chỉnh giảm 372 triệu đồng thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 3 của huyện Tu Mơ Rông và điều chỉnh giảm 433 triệu đồng thực hiện Dự án 1 của huyện Đăk Hà để bổ sung cho huyện Tu Mơ Rông 372 triệu đồng thực hiện Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4; bổ sung cho huyện Đăk Hà 265 triệu đồng thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 và bổ sung cho huyện Đăk Tô 168 triệu đồng thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 10.

- Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024: Điều chỉnh giảm 9,314 tỷ đồng thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 3 của huyện Tu Mơ Rông để bổ sung vốn cho Tiểu dự án 1, Dự án 4, Tiểu dự án 1, Dự án và Dự án 6 trên địa bàn huyện. Điều chỉnh giảm 3,421 tỷ đồng thực hiện Dự án 2 của huyện Ia H’Drai để bổ sung cho Tiểu dự án 1, Dự án 5 trên địa bàn huyện.

*\* Về điều chỉnh vốn sự nghiệp:*

- Điều chỉnh dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2023: Điều chỉnh giảm 3,293 tỷ đồng từ Tiểu dự án 1, Dự án 3 để bổ sung cho Tiểu dự án 2, Dự án 3 trên địa bàn huyện Kon Plông.

- Điều chỉnh dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2024: Điều chỉnh giảm 12,813 tỷ đồng thực hiện các dự án thành phần của các đơn vị, địa phương để bổ sung cho các dự án thành phần có nhu cầu vốn.

**4. Nghị quyết quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học công nghệ; mua sắm hàng hóa, dịch vụ sử dụng nguồn kinh phí khoa học công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum**

***a) Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum***

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm tài sản đối với trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại và các phương tiện vận tải khác có động cơ *(trừ xe mô tô, xe gắn máy)*.

- Đối với nguồn kinh phí giao Sở Khoa học và Công nghệ quản lý: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác *(trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).*

- Đối với nguồn kinh phí giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định việc mua sắm tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác (*trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này*).

- Đối với nguồn kinh phí giao cho các đơn vị cấp tỉnh quản lý *(trừ Sở Khoa học và Công nghệ)*: Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp được giao quản lý kinh phí quyết định việc mua sắm tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác (*trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này*).

***b) Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum***

- Đối với nguồn kinh phí giao cho các đơn vị cấp tỉnh quản lý:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý kinh phí *(đơn vị dự toán cấp 1)* quyết định việc mua sắm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác sử dụng nguồn kinh phí khoa học và công nghệ *(bao gồm cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học* *và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum)* đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị trên 200 triệu đồng.

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác sử dụng nguồn kinh phí khoa học và công nghệ *(bao gồm cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum)* quyết định việc mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng.

- Đối với nguồn kinh phí giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được giao quản lý kinh phí quyết định việc mua sắm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác sử dụng nguồn kinh phí khoa học và công nghệ *(bao gồm: các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của huyện, thành phố)* đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị trên 200 triệu đồng.

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác sử dụng nguồn kinh phí khoa học và công nghệ *(bao gồm: các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của huyện, thành phố)* quyết định việc mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng.

**5. Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường trục chính phía Tây thành phố Kon Tum**

***a) Cơ cấu nguồn vốn:***

- Ngân sách trung ương hỗ trợ: Khoảng 746 tỷ đồng *(trong đó: 28,12 tỷ đồng từ nguồn dự phòng chung trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; 717,88 tỷ đồng trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025)*.

- Ngân sách địa phương *(nguồn xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước; nguồn thu tiền sử dụng đất)* và các nguồn vốn hợp pháp khác: 746,6 tỷ đồng.

***b) Thời gian thực hiện:*** Không quá 07 năm; Tiến độ thực hiện: Từ năm 2020.

***c) Các nội dung khác:*** Thực hiện theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm và Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**6. Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hệ thống thoát nước, vỉa hè các tuyến đường nội thành, thành phố Kon Tum**

***a) Quy mô đầu tư:*** Bổ sung hạng mục:

- Cải tạo hệ thống thoát nướcvà vỉa hè đường Trần Khánh Dư *(đoạn U Rê - Duy Tân)*, chiều dài tuyến khoảng 670m.

- Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, bó vỉa và vỉa hè đường Nơ Trang Long *(đoạn U Rê - Trần Văn Hai),* chiều dài tuyến khoảng 1.140m; hoàn trả cục bộ nền, mặt đường và nâng cấp, cải tạo lại mương thoát nước hạ lưu để đảm bảo thoát nước.

- Cải tạo hệ thống thoát nướcvà vỉa hè đường Đoàn Thị Điểm *(đoạn Bà Triệu - Phan Chu Trinh)*, chiều dài tuyến khoảng 330m.

- Bổ sung hoàn trả đồng bộ kết cấu mặt đường Hai Bà Trưng *(đoạn Phan Chu Trinh - Lê Lợi)* theo bề rộng mặt đường hiện trạng, chiều dài tuyến khoảng 130m*.*

- Bổ sung hoàn trả nền đường và mặt đường bê tông nhựa Lê Lợi *(đoạn Hai Bà Trưng - đường Phan Bội Châu quy hoạch)* theo bề rộng mặt đường hiện trạng, chiều dài tuyến khoảng 75m*.*

***b) Các nội dung khác:*** Thực hiện theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**7. Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông từ xã Đăk Pne, huyện Kon Rẫy đi huyện KBang, tỉnh Gia Lai**

***a) Nguồn vốn thực hiện dự án:*** Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực giai đoạn 2021-2025 *(khoảng 135 tỷ đồng)*, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

***b) Thời gian thực hiện dự án:*** 06 năm.

***c) Các nội dung khác:*** Thực hiện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 và Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**8. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều và bãi bỏ một phần của Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

- Sửa đổi tên gọi của Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

"Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum".

- Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 68/2021/NQ HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

"Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng đối với các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021, thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 là 500.000 đồng/tháng."

**9. Nghị quyết về các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

***a) Mục đích, quan điểm xây dựng nghị quyết:*** Ban hành biện pháp phù hợp, thống nhất; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo các cấp; cụ thể hóa chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước; đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và vai trò của Mặt trận Tổ quốc; tuân thủ quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

***b) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:*** Quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum; đối tượng: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cộng đồng dân cư, cán bộ công chức viên chức, và các tổ chức cá nhân liên quan.

***c) Bố cục và nội dung của dự thảo Nghị quyết:*** gồm có 05 Điều, nội dung chính bao gồm các biện pháp: bồi dưỡng năng lực, tăng cường tuyên truyền, nâng cao trách nhiệm, khen thưởng và xử lý vi phạm, hỗ trợ ứng dụng công nghệ.

***d) Nguồn lực thực hiện:*** Kinh phí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý, trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan đơn vị, và các nguồn lực hợp pháp khác.

**10. Nghị quyết thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đường từ trung tâm thị trấn Đăk Glei đến trung tâm xã Xốp, huyện Đăk Glei**

- Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 41,0 ha.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng sản xuất 41,0 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng tự nhiên 40,85 ha, rừng trồng 0,15 ha.

**11. Nghị quyết thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cấm, thành phố Kon Tum**

- Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 0,51 ha.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng sản xuất 0,51 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng 0,51 ha.

**12. Nghị quyết thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đường giao thông từ cầu Drai đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le (Đoạn Km7+316,41 - Km12+482,07)**

- Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 2,03 ha.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng sản xuất 2,03 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng khác 2,03 ha.

**13. Nghị quyết thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư sơ 66 tại thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi, huyện Ia H’Drai**

- Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 16,69 ha.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng sản xuất 16,69 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng khác 16,69 ha.

**14. Nghị quyết thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Tơi**

- Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 17,72 ha.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng sản xuất 17,72 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng tự nhiên 12,44 ha, rừng trồng 5,28 ha.

**15. Nghị quyết thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đường từ Quốc lộ 24 đi khu nghỉ dưỡng khu vực Đông Nam**

- Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 0,3 ha.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng sản xuất 0,3 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng 0,3 ha.

**16. Nghị quyết thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện hạng mục tuyến đường dây 22kV thuộc dự án công trình nhà máy thủy điện Đăk PôNe (Nâng đập hồ A và xây dựng cụm nhà máy hồ B)**

- Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 514,2 m2.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng sản xuất 514,2 m2.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng 514,2 m2.

**17. Nghị quyết thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Đường đi khu sản xuất, thác Siu Puông, xã Đăk Na**

- Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 0,17 ha.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng phòng hộ 0,17 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng 0,17 ha.

**18. Nghị quyết thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện công trình Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Riếp 1, xã Đăk Na**

- Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 1,55 ha.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng phòng hộ 1,55 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng 1,55 ha.

**19. Nghị quyết thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8 xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (*Đoạn qua huyện Tu Mơ Rông*)**

- Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 1,0 ha.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng sản xuất 1,0 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng 1,0 ha.

**20. Nghị quyết thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Chốt chiến đấu Dân quân thường trực xã Ia Tơi, huyện Ia H’Drai**

- Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 2,00 ha.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng sản xuất 2,00 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng 2,00 ha.

**21. Nghị quyết thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đường Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8 xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (*Đoạn qua huyện Đăk Hà*)**

- Diện tích rừng trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác để thực hiện dự án: 0,81 ha.

- Phân theo mục đích sử dụng: Rừng sản xuất 0,81 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng 0,81 ha.

*(Chi tiết các nội dung trình tại các Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh đã được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.